

Số: 92 /2020/CV - EVS

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Mã chứng khoán: EVS

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3772 6699

Fax: 04. 3772 6763

Người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Hồng Ngọc

Chức vụ : Phụ trách Văn phòng HĐQT

Địa chỉ liên hệ: Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3772 6699

Fax: 04. 3772 6763

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest (EVS) thông báo:

Ngày 05/03/2020 Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest đã công bố Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty (*Nội dung chi tiết theo file đính kèm*).

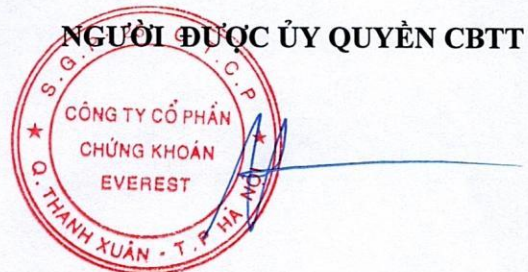
Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn:

<https://www.eves.com.vn/cong-bo-thong-tin-111.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Bản sao Báo cáo thường niên năm 2019.



NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST



EVEREST
SECURITIES

Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3772 6699 - Fax: (84-24) 3772 6763

Website: www.eves.com.vn

Chi nhánh:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest - Chi nhánh Sài Gòn

Địa chỉ: Tầng M, Tòa nhà Central Park, số 117 Nguyễn Du, phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 6290 6296 - Fax: (84-28) 6290 6399

Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest - Chi nhánh Hàm Nghi

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa Nhà Ruby Tower, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3915 2616 - Fax: (84-28) 3915 2618

Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest - Chi nhánh Bà Triệu

Địa chỉ: Tầng 1 Tòa nhà Minexport, số 28C,D Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3936 6866 - Fax: (84-24) 3936 6586



I. THÔNG TIN CHUNG**1. Thông tin khái quát**

| | |
|--|---|
| Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: | CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST |
| Tên Tiếng Anh: | EVEREST SECURITIES JOINT STOCK COMPANY |
| Tên viết tắt: | EVS.,JSC |
| Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động: | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/12/2006 Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 48/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 29/12/2006, giấy phép điều chỉnh số 209/UBCK-GP ngày 16/03/2009, giấy phép điều chỉnh số 222/UBCK-GP ngày 25/03/2009, giấy phép điều chỉnh số 296/UBCK-CP ngày 21/01/2010, giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 26/3/2013, giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 10/4/2013, giấy phép điều chỉnh số 27/GPĐC-UBCK ngày 20/10/2014, giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK ngày 20/5/2016, giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK ngày 27/03/2018, giấy phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCK ngày 8/8/2018 và giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/4/2019 . |
| Người đại diện theo Pháp luật: | Ông Vũ Hồng Sơn - Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Vốn điều lệ đăng ký: | 600.004.000.000 (Sáu trăm tỷ bốn triệu) đồng |
| Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2019: | 721.228.629.654 (Bảy trăm hai mươi một tỷ, hai trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi chín, sáu trăm năm mươi tư đồng) |
| Địa chỉ: | Tầng 2, tòa nhà VNT Tower, số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội |
| Số điện thoại: | (84 - 24) 3772 6699 |
| Số fax: | (84 - 24) 3772 6763 |
| Website: | www.eves.com.vn |

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest (“Everest Securities”, “EVS”) tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương, được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103015027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 48/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2006, với vốn điều lệ ban đầu là 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ đồng). Kể từ đó đến nay, Công ty cổ phần Chứng khoán Everest đã liên tục phát triển và trải qua nhiều mốc sự kiện quan trọng:

| Năm | Sự kiện |
|------|--|
| 2007 | Trở thành thành viên thứ 40 của Sở GDCK Hà Nội và thành viên thứ 56 của Sở |



| | |
|------|--|
| | GDCK TP. Hồ Chí Minh |
| 2009 | Vốn điều lệ của EVS tăng từ 50.000.000.000 VNĐ lên 150.000.000.000 VNĐ |
| | Tham gia giao dịch trực tuyến tại Sở GDCK Hà Nội |
| | Công ty chuyển trụ sở chính về số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội |
| 2010 | Chi nhánh Sài Gòn chính thức được thành lập và đi vào hoạt động |
| | Vốn điều lệ của EVS tăng từ 150.000.000.000 VNĐ lên 300.000.000.000 VNĐ |
| | Tham gia giao dịch trực tuyến tại Sở GDCK Hà Nội |
| | Trở thành thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ chuyên biệt của Sở GDCK Hà Nội |
| | Trở thành công ty chứng khoán thứ 13 được UBCKNN chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến |
| | Tham gia giao dịch trực tuyến thị trường đăng ký giao dịch (UPCOM) |
| 2011 | Được cấp phép cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán ký quỹ |
| 2013 | Công ty chuyển trụ sở chính về: Tầng 1& 7 – Tòa nhà Trung Yên Plaza Lô O17 – Khu đô thị mới Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội |
| 2014 | Công ty tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng |
| 2016 | Công ty chuyển trụ sở chính về: Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower - Số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội |
| 2018 | Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest theo Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27/03/2018, đồng thời thay đổi bộ nhận diện thương hiệu phù hợp với tên mới; |
| | Ngày 26/04/2018, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest. |
| | Công ty đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom với phiên giao dịch đầu tiên vào ngày 01/8/2018; |
| | Chi nhánh Hàm Nghi chính thức được thành lập và đi vào hoạt động; Chi nhánh Bà Triệu chính thức được thành lập và đi vào hoạt động. |
| 2019 | Công ty tăng vốn điều lệ từ 600.000.000.000 đồng lên 600.004.000.000 đồng; |
| | Công ty đã đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với phiên giao dịch đầu tiên vào ngày 26/6/2019. |

Năm 2019, Công ty định hướng mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh về cả quy mô, giá trị và là một trong những công ty cung cấp đầy đủ các dịch vụ chứng khoán chuyên nghiệp trên thị trường vốn, luôn sát cánh, hỗ trợ khách hàng.

Kể từ khi thành lập tới nay, Everest Securities luôn cam kết đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu và xây dựng sự tin tưởng của khách hàng trên cơ sở chất lượng của dịch vụ cung cấp. Bên cạnh các dịch vụ cơ bản và phục vụ trực tiếp lợi ích của các nhà đầu tư trên thị trường vốn như: môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, Everest Securities đã trở thành một địa chỉ tin cậy đối với các doanh nghiệp có nhu cầu về dịch vụ tư

vấn tài chính như: phát hành chứng khoán huy động vốn, cổ phần hóa, niêm yết chứng khoán, tái cơ cấu, sáp nhập doanh nghiệp,...

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

▪ Ngành nghề kinh doanh

EVS đã đăng ký và được phép thực hiện tất cả các loại hình hoạt động kinh doanh trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, cụ thể:

- + Môi giới chứng khoán
- + Tự doanh chứng khoán
- + Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- + Tư vấn đầu tư chứng khoán
- + Ngoài ra Công ty còn cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

▪ Địa bàn kinh doanh

Công ty tập trung phát triển các nghiệp vụ kinh doanh chủ yếu tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

Hội sở: Tầng 2, Tòa nhà VNT Tower, số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Chi nhánh Bà Triệu: Tầng 1, Tòa nhà Minexport, số 28C,D Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Chi nhánh Sài Gòn: Tầng M, Tòa nhà Central Park, số 117 Nguyễn Du, phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

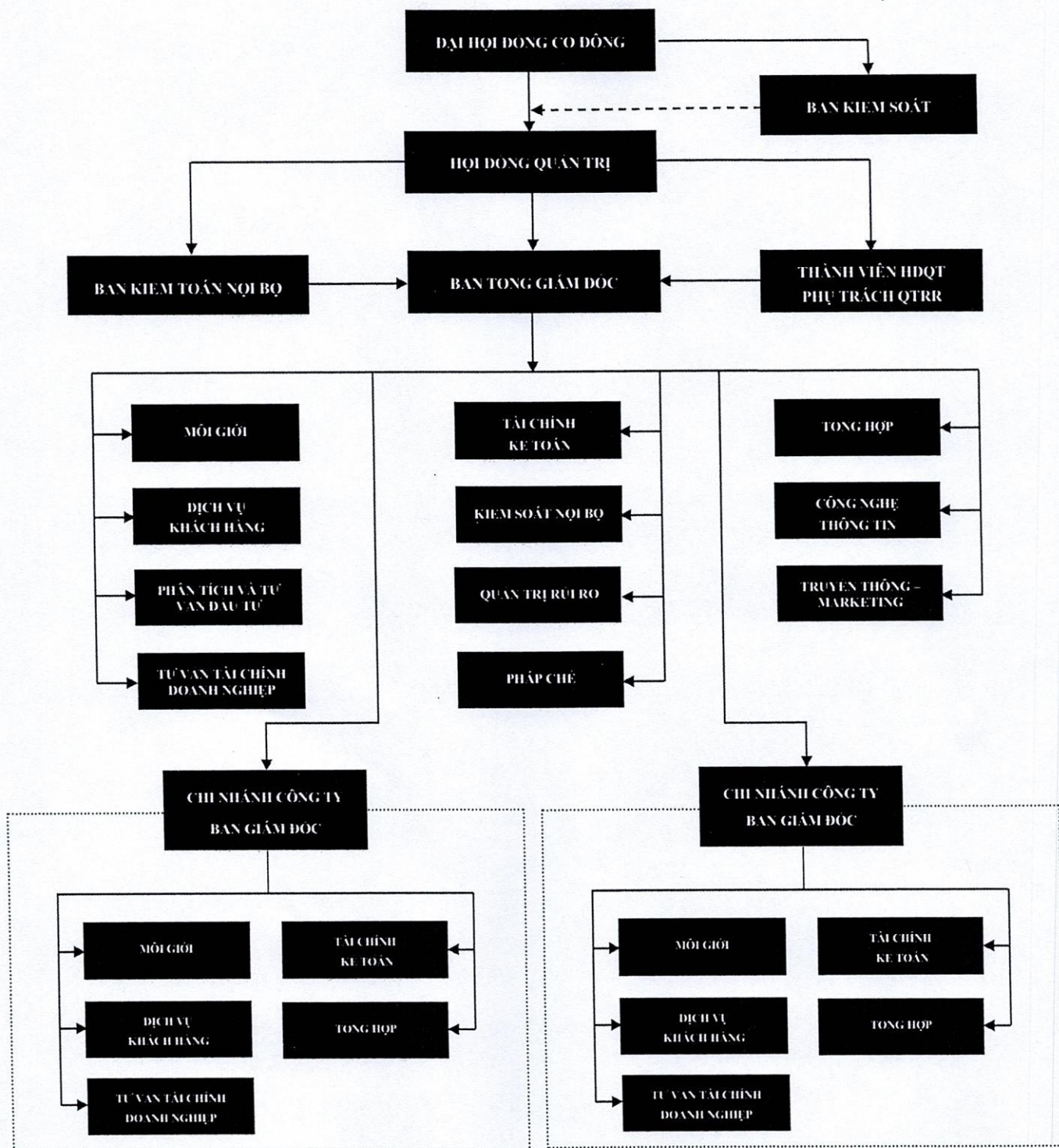
Chi nhánh Hàm Nghi: Tầng 4, Tòa Nhà Ruby Tower, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

▪ Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại Hội Đồng Cổ đông; Hội đồng Quản trị; Ban Kiểm soát; và Ban Tổng Giám đốc.

▪ Cơ cấu bộ máy quản lý



Nguồn: EVS

✓ **Đại Hội đồng Cổ đông**

Đại Hội đồng Cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết ủy quyền, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội



đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần. Đại Hội đồng Cổ đông quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định.

✓ **Hội đồng Quản trị**

HĐQT là cơ quan quản lý có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHCĐ. Hội đồng quản trị Công ty gồm 06 (sáu) thành viên, do Đại Hội đồng Cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm.

Vai trò của HĐQT là giữ định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Tổng Giám đốc. Các quyền và nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng quản trị được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

✓ **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát Công ty do Đại Hội đồng Cổ đông bầu ra, Ban Kiểm soát của Công ty có 03 (ba) thành viên. Ban Kiểm soát thay mặt các cổ đông giám sát một cách độc lập, khách quan và trung thực hoạt động kinh doanh, tài chính và công tác quản trị điều hành của Công ty theo các quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan.

✓ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban Tổng Giám đốc của Công ty hiện tại có 03 thành viên trong đó có 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

✓ **Ban Kiểm toán nội bộ**

Ban Kiểm toán nội bộ EVS thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ chính của Ban Kiểm toán nội bộ như sau:

- Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
- Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
- Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
- Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
- Chức năng, nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

✓ **Thành viên Hội đồng quản trị phụ trách quản trị rủi ro**

Hội đồng quản trị cử 01 thành viên phụ trách quản trị rủi ro với chức năng và nhiệm vụ chính:

- Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;
- Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;

- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
- Chức năng khác do Điều lệ Công ty quy định.
- ✓ **Các phòng ban, đơn vị trực thuộc**
- **Phòng Môi giới:**
 - Chăm sóc, quản lý và phát triển mạng lưới khách hàng;
 - Nhận lệnh, kiểm tra lệnh và nhập lệnh giao dịch mua/bán chứng khoán của khách hàng vào hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán và xác nhận kết quả giao dịch cho khách hàng.
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật và Công ty.
- **Phòng Dịch vụ Khách hàng:**
 - Thực hiện cung cấp các dịch vụ chứng khoán cho khách hàng: mở, quản lý tài khoản cho khách hàng, lưu ký chứng khoán, ...
 - Xử lý giao dịch mua bán chứng khoán, kế toán giao dịch;
 - Các dịch vụ chứng khoán hỗ trợ khác như cầm cố, thực hiện quyền, ứng trước, ...
 - Đăng ký làm đại lý đấu giá bán cổ phần của Sở giao dịch chứng khoán;
 - Quản lý sổ cổ đông cho các doanh nghiệp;
 - Lập báo cáo giao dịch, báo cáo lưu ký tháng, quý, năm và các báo cáo khác theo quy định.
- **Phòng Phân tích và Tư vấn đầu tư:**
 - Thực hiện nghiên cứu, phân tích đưa ra các nhận định/báo cáo về kinh tế, cổ phiếu, thị trường chứng khoán, doanh nghiệp nhằm hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Phòng Môi giới, Phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp và các phòng ban có liên quan khác.
 - Thực hiện các báo cáo phân tích hàng ngày/định kỳ về tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, trái phiếu, cổ phiếu, ngành, doanh nghiệp...;
 - Hỗ trợ các phòng ban khác trong Công ty theo chức năng nhiệm vụ được phân công.
- **Phòng Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp:** Cung cấp các dịch vụ tư vấn liên quan đến tài chính và quản trị doanh nghiệp cho khách hàng bao gồm:
 - Tư vấn niêm yết chứng khoán;
 - Tư vấn phát hành chứng khoán;
 - Tư vấn cổ phần hóa, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - Tư vấn bán vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp, hoặc bán phần vốn của doanh nghiệp tại các doanh nghiệp khác;
 - Tư vấn tổ chức bán đấu giá cổ phần;
 - Tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (M&A);
 - Tư vấn quản trị công ty và các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp khác.



➤ **Phòng Tài chính Kế toán:**

- Tổ chức hạch toán, tuân thủ luật pháp về kế toán và các nghĩa vụ với Nhà nước về Thuế;
- Kiểm tra, kiểm soát, giám sát quá trình phân phối sử dụng vốn, tài sản đảm bảo đúng chế độ quản lý hiện hành của Nhà nước và theo quy định của Công ty;
- Phối hợp với các phòng ban lập kế hoạch nhu cầu vốn kinh doanh hàng tháng, quý, năm. Chịu trách nhiệm triển khai thực hiện kế hoạch nhu cầu vốn kinh doanh;
- Cân đối và điều hòa nguồn vốn toàn hệ thống, đảm bảo thanh khoản và hiệu quả sử dụng vốn.
- Lập/tổng hợp và nộp các báo cáo theo quy định.

➤ **Phòng Kiểm soát nội bộ:** Phòng Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông, quyết định của Hội đồng Quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;
- Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.
- Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
- Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
- Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

➤ **Phòng Quản trị rủi ro:** Trên cơ sở chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro mà Hội đồng Quản trị phê duyệt, bộ phận rủi ro có nhiệm vụ:

- Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;
- Xác định rủi ro của Công ty;
- Đo lường rủi ro;
- Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.

➤ **Phòng Pháp chế**

- Tham mưu, giúp việc, tư vấn cho Ban Tổng Giám đốc Công ty những vấn đề pháp lý có liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động kinh doanh của Công ty, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty;
- Xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp quy của Công ty; kiến nghị các văn bản cần sửa đổi, ban hành mới;
- Hỗ trợ các phòng ban Công ty về các vấn đề pháp lý khi có yêu cầu;
- Đầu mối xử lý khiếu kiện, khiếu nại, hướng dẫn giải quyết tranh chấp pháp lý trên toàn hệ thống.



➤ **Phòng Tổng hợp:**

- Phát triển nguồn nhân lực; tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty;
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về cơ cấu tổ chức, bộ máy, sắp xếp và sử dụng nguồn nhân lực của Công ty;
- Tuyển dụng, đào tạo, phát triển nhân lực;
- Thực hiện các chính sách tiền lương và chính sách đào tạo lao động;
- Xây dựng quy trình đánh giá xếp loại người lao động; xây dựng các nội quy, quy chế, điều lệ công ty và các văn bản, tài liệu khác phục vụ công tác quản lý của Công ty; đánh giá kết quả công việc của nhân viên;
- Giám sát thực thi các chính sách và nội quy lao động ở Công ty;
- Hỗ trợ các phòng ban công việc hậu cần;
- Mua sắm các thiết bị, dụng cụ văn phòng;
- Quản lý trang thiết bị, tài sản, công cụ, phương tiện sử dụng trong kinh doanh;
- Tổ chức và thực hiện các hoạt động phong trào trong Công ty.

➤ **Phòng Công nghệ thông tin**

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty xây dựng hệ thống công nghệ thông tin của Công ty để định hướng hỗ trợ phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty;
- Quản lý và duy trì các hệ thống phần mềm và hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin theo mô hình đã được xây dựng, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật được quy định bởi các cơ quan quản lý Nhà nước về thị trường chứng khoán đồng thời đảm bảo phục vụ hoạt động kinh doanh và quản lý điều hành của Công ty được hiệu quả.

➤ **Phòng Truyền thông – Marketing:** Phòng Truyền thông – Marketing của Công ty có nhiệm vụ truyền tải thông tin của Công ty đến với các đối tác, khách hàng và cổ đông. Bên cạnh đó, tạo dựng và quảng bá thương hiệu Công ty thông qua các hoạt động như: xây dựng bộ nhận diện thương hiệu Công ty; là đầu mối chuẩn bị các sự kiện, hội thảo, hội nghị Công ty; tiếp xúc với báo chí, tổ chức đưa tin, ảnh, các bài viết giới thiệu về Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng...

- **Chi nhánh Sài Gòn:** là đơn vị trực thuộc Công ty, thực hiện các hoạt động kinh doanh chứng khoán theo Giấy phép thành lập và hoạt động Chi nhánh.
- **Chi nhánh Hàm Nghi:** là đơn vị trực thuộc Công ty, thực hiện các hoạt động kinh doanh chứng khoán theo Giấy phép thành lập và hoạt động Chi nhánh.
- **Chi nhánh Bà Triệu:** là đơn vị trực thuộc Công ty, thực hiện các hoạt động kinh doanh chứng khoán theo Giấy phép thành lập và hoạt động Chi nhánh.



5. Định hướng phát triển

▪ Mục tiêu phát triển của Công ty

Công ty đẩy mạnh hoạt động, đầu tư nâng cao giá trị chất lượng dịch vụ, tập trung vào mảng hoạt động môi giới, tư vấn tài chính doanh nghiệp, cung cấp cho các khách hàng những dịch vụ có chất lượng tốt nhất, tạo ra giá trị thặng dư cho các đối tác liên quan và có những đóng góp tích cực cho cộng đồng. Phân đầu trở thành một trong hai mươi công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam.

▪ Các mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng của Công ty

Xây dựng và thúc đẩy môi trường văn hóa doanh nghiệp văn minh, chuyên nghiệp, có uy tín và trách nhiệm cao. Liên kết với các tổ chức kinh tế xã hội khác tham gia các chương trình từ thiện, khuyến khích phát triển giáo dục, các dự án vì cộng đồng...

6. Các rủi ro

Năm 2019 vừa qua được đánh giá là một năm khá tích cực của nền kinh tế Việt Nam khi giữ được tốc độ tăng trưởng tương đối cao so với các nước trong khu vực. Tăng trưởng GDP cả năm của Việt Nam ước đạt 7%, thấp hơn mức 7,1% năm 2018 nhưng vẫn cao hơn mục tiêu mà Quốc hội đề ra là 6,8%, trong khi lạm phát bình quân cả năm 2019 chỉ ở mức 2,8%. Tuy nhiên, trong năm 2019 VN-Index cũng chỉ ghi nhận mức tăng 7,3% tại ngày 29/12/2019 do bất ổn từ chiến tranh thương mại toàn cầu cùng với sự phục hồi của các nền kinh tế phát triển (bao gồm Mỹ) đã khiến dòng tiền lớn trở nên thận trọng hơn đối với các thị trường mới nổi như Việt Nam.

Kết thúc phiên giao dịch cuối năm, VN-Index đạt 960,99 điểm, tăng 7,7% so với cuối năm 2018, cao hơn các nước trong khu vực như Singapore, Malaysia, Thái Lan, Indonesia. Quy mô vốn hóa thị trường tăng 10,7% so với cuối năm 2018, đạt 4,4 triệu tỉ đồng, tương đương 79,2% GDP năm 2018 và 72,6% GDP năm 2019. Dù vậy, thanh khoản trên thị trường ở mức thấp với trung bình 4.659 tỉ đồng/phiên do những lo ngại về bất ổn thương mại quốc tế, đặc biệt là căng thẳng thương mại Mỹ - Trung.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, thị trường trái phiếu chính phủ đã có bước phát triển đáng ghi nhận với quy mô đến hết tháng 11/2019 bằng 25,1% GDP kế hoạch năm 2019, tăng 2,5% so với cuối năm 2018. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam cũng được đẩy nhanh phát triển với tổng trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong 11 tháng năm 2019 ước đạt 237.000 tỉ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2018. Như vậy, tính đến hết năm 2019, quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp đã tương đương 10,26% GDP.

Bên cạnh thị trường cổ phiếu và trái phiếu, thị trường phái sinh cũng đã có những bước phát triển ấn tượng. Tính riêng trong 7 tháng đầu năm 2019, khối lượng giao dịch hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu VN30 bình quân/phiên đạt xấp xỉ 100.000 hợp đồng/phiên, tăng gấp 1,27 lần so với bình quân năm 2018. Sự tăng trưởng mạnh của thị trường phái sinh đã thu hút nhiều sự quan tâm của các tổ chức nước ngoài.

Hoạt động thoái vốn Nhà nước được kỳ vọng trở thành động lực tăng cho thị trường trong năm 2019. Tuy nhiên thực tế thoái vốn năm nay trầm lắng, các thương vụ thoái vốn lớn được kỳ vọng diễn ra như bán 20% vốn Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam (ACV), 25% vốn Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (PLX), 35% vốn Tổng công ty hàng không Việt Nam (HVN), Tập



đoàn Dệt may Việt Nam (VGT)... không được triển khai. Năm 2019 cũng hoàn toàn vắng bóng có vụ IPO lớn được kỳ vọng diễn ra như EVNGenco1, EVNGenco2, Mobifone, Tổng công ty giấy Việt Nam, Satra... Nhiều thương vụ bán vốn nghìn tỷ của SCIC không thể diễn ra do không có nhà đầu tư đăng ký tham dự đấu giá.

Tính đến hết tháng 11, 2 thương vụ thoái vốn thành công lớn nhất của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) là bán gần 10 triệu cổ phiếu CTCP Dược Lâm Đồng thu về 77,3 tỷ đồng và bán 10,3 triệu cổ phiếu CTCP In tổng hợp Cần Thơ thu về 211 tỷ đồng. Điểm nhấn cho hoạt động thoái vốn Nhà nước năm 2019 là Bộ Xây dựng bán đấu giá thành công 69 triệu cổ phiếu trên tổng số 80,5 triệu cổ phiếu Tổng công ty Viglacera (VGC) đem chào bán, thu về 1.587 tỷ đồng.

Trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện và xây dựng cơ sở cho định hướng hoạt động của Công ty, EVS nhận thấy những rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như sau:

❖ **Rủi ro hoạt động**

Rủi ro trong hoạt động môi giới chứng khoán

Rủi ro trong hoạt động môi giới chứng khoán có thể xảy ra ở bất cứ khâu nào trong quy trình môi giới chứng khoán. Rủi ro này xuất phát từ các sai sót trong khi môi giới thực hiện lệnh cho khách hàng, giao dịch với đối tác gây thiệt hại mà Công ty phải bồi hoàn do lỗi hệ thống công nghệ của công ty, các tác động khách quan khác.

Việc kiểm soát rủi ro hoạt động luôn được Công ty chú trọng và ưu tiên hàng đầu. Công ty đã xây dựng, ngày càng hoàn thiện hệ thống quy trình nghiệp vụ toàn Công ty, kết hợp với hệ thống máy móc và công nghệ phần mềm hiện đại từng bước nâng cấp nhằm đáp ứng tốt nhất, tiện lợi nhất cho khách hàng khi giao dịch tại Công ty và đề cao hoạt động kiểm soát rủi ro ở tất cả các cấp. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên đào tạo, nâng cao nghiệp vụ và đạo đức cho các cán bộ công nhân viên Công ty.

Rủi ro hoạt động tự doanh

Đây là những rủi ro cá biệt liên quan đến danh mục đầu tư của Công ty sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty. Hoạt động tự doanh của Công ty phụ thuộc vào diễn biến thị trường, khả năng đánh giá giá trị cổ phiếu và các yếu tố khách quan khác. Để hạn chế và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động này, EVS xây dựng đội ngũ chuyên viên nghiên cứu phân tích chuyên nghiệp, có khả năng phản ứng nhanh với biến động thị trường, đảm bảo đầu tư theo nguyên tắc cẩn trọng, ưu tiên an toàn với mức độ lợi nhuận chấp nhận.

Rủi ro hỗ trợ tài chính cho khách hàng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi Công ty có khả năng không thu được nợ hoặc khách hàng không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng dẫn đến các tổn thất về tài chính cho Công ty. Rủi ro này nảy sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ ký quỹ (margin) cho khách hàng. Giao dịch ký quỹ là một công cụ tốt để cạnh tranh và hỗ trợ cho cuộc chạy đua giành thị phần nhưng cần quản trị rủi ro tốt để đảm bảo tránh được khoản lỗ lớn. Công ty cần có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi sát tình hình để giảm thiểu rủi ro cho công ty.

❖ **Rủi ro thanh toán**



Với chính sách thận trọng, nên mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ của Công ty là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

❖ Rủi ro thanh khoản của thị trường

Khi thanh khoản biến động bất thường và đột ngột thì rủi ro là rất lớn với nghiệp vụ tự doanh, cho vay ký quỹ hay trong tương lai là các hoạt động vay mượn chứng khoán và sản phẩm quyền chọn của công ty chứng khoán.

Rủi ro thị trường là rủi ro không thể loại bỏ được do sự không ổn định, biến động bất thường của thị trường. Để hạn chế rủi ro này, Công ty cần phải có đội ngũ nhận định, phân tích, dự báo thị trường nhằm đưa ra phương án phòng ngừa hiệu quả.

❖ Rủi ro tuân thủ

Rủi ro này tính đến khía cạnh pháp lý và những văn bản pháp luật được ban hành trên Thị trường chứng khoán. Các công ty chứng khoán cần tuân thủ nghiêm ngặt để tránh đổ vỡ hệ thống. Ở một khía cạnh khác, với sự phát triển của thị trường, nếu hàng lang pháp lý để điều tiết được ban hành không đồng bộ và chậm sẽ gây ra khó khăn trong việc triển khai hoạt động thực tế.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

▪ Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2019

Một số chỉ tiêu chính năm 2019 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | Tăng trưởng (%) |
|-----|-------------------------------------|----------|----------|-----------------|
| 1 | Doanh thu hoạt động | 172.916 | 197.007 | 13,93% |
| 2 | Chi phí hoạt động | 85.880 | 117.431 | 36,74% |
| 3 | Doanh thu hoạt động tài chính | 1.179 | 1.377 | 16,79% |
| 4 | Chi phí tài chính | 11.277 | 41.477 | 267,80% |
| 5 | Chi phí quản lý công ty chứng khoán | 23.237 | 29.167 | 25,52% |
| 6 | Kết quả hoạt động | 53.700 | 10.309 | -80,80% |
| 7 | Kết quả hoạt động khác | -323 | -159 | - |
| 8 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 53.377 | 10.149 | -80,99% |
| 9 | Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | 42.819 | 8.141 | -80,99% |

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019)



Doanh thu hoạt động năm 2019 của Công ty đạt 197,007 tỷ đồng. Trong đó doanh thu từ các khoản cho vay và phải thu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu hoạt động năm 2019 chiếm tỷ trọng 42,97%. Tiếp đó, lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) và doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán chiếm tỷ trọng lần lượt 38,99% và 14,64% trong cơ cấu doanh thu hoạt động năm 2019. Còn lại là sự đóng góp doanh thu của các khoản lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, hoạt động lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán.

Năm 2019, thị trường chứng khoán Việt Nam diễn biến bất thường dẫn tới môi trường kinh doanh trở nên khó khăn và cạnh tranh cao ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Doanh thu hoạt động năm 2019 của Công ty đạt 197,007 tỷ đồng tăng 3,93% so với doanh thu hoạt động năm 2018, trong đó cơ cấu doanh thu hoạt động có sự dịch chuyển: doanh thu lãi từ các khoản cho vay và phải thu năm 2019 đạt 84,65 tỷ đồng tăng 49,72% so với năm 2018, ngược lại lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán năm 2019 lần lượt giảm 48,73% và 16,01% so với năm 2018.

▪ **Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

Theo kế hoạch hoạt động kinh doanh đã được Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty thông qua, Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch về doanh thu với tổng doanh thu thực hiện đạt 103,68% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 16,96% so với kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự

▪ **Danh sách Ban điều hành**

| STT | Họ tên | Chức vụ |
|-----|-------------------|--|
| 1 | Vũ Hồng Sơn | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| 2 | Ngô Thị Thu Hương | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc |
| 3 | Huỳnh Anh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |
| 4 | Ngô Đặng Triều | Phó Tổng Giám đốc |
| 5 | Vũ Thị Thanh Hằng | Kế toán trưởng |

✓ **Ông Vũ Hồng Sơn – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Họ và tên: Vũ Hồng Sơn
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 15/02/1969
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
 Tổng số cổ phần nắm giữ đến ngày 11/04/2019: 6.000.000 cổ phần
 + Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần



| | |
|--|---------------------------------|
| + Số cổ phần cá nhân nắm giữ: | 6.000.000 cổ phần |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty: | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty: | Không |
| ✓ Bà Ngô Thị Thu Hương – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | |
| Họ và tên: | Ngô Thị Thu Hương |
| Giới tính: | Nữ |
| Ngày sinh: | 14/07/1973 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ chuyên môn: | Cử nhân kinh tế |
| Tổng số cổ phần nắm giữ đến ngày 11/04/2019: | 0 cổ phần |
| + Số cổ phần đại diện: | 0 cổ phần |
| + Số cổ phần cá nhân nắm giữ: | 0 cổ phần |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty: | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty: | Không |
| ✓ Ông Huỳnh Anh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc | |
| Họ và tên: | Huỳnh Anh Tuấn |
| Giới tính: | Nam |
| Ngày sinh: | 10/01/1974 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ chuyên môn: | Cử nhân Tài chính, Cử nhân Luật |
| Tổng số cổ phần nắm giữ đến ngày 11/04/2019: | 0 cổ phần |
| + Số cổ phần đại diện: | 0 cổ phần |
| + Số cổ phần cá nhân nắm giữ: | 0 cổ phần |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty: | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty: | Không |
| ✓ Ngô Đặng Triều - Phó Tổng Giám đốc | |
| Họ và tên: | Ngô Đặng Triều |



| | |
|--|---------------------------|
| Giới tính: | Nam |
| Ngày sinh: | 20/8/1979 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư công nghệ thông tin |
| Tổng số cổ phần nắm giữ đến ngày 11/04/2019: | 0 cổ phần |
| + Số cổ phần đại diện: | 0 cổ phần |
| + Số cổ phần cá nhân nắm giữ: | 0 cổ phần |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty: | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty: | Không |

✓ **Vũ Thị Thanh Hằng – Kế toán trưởng**

| | |
|--|-------------------|
| Họ và tên: | Vũ Thị Thanh Hằng |
| Giới tính: | Nữ |
| Ngày sinh: | 20/12/1975 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Trình độ chuyên môn: | Cử nhân kinh tế |
| Tổng số cổ phần nắm giữ đến ngày 11/04/2019: | 0 cổ phần |
| Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu Công ty: | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty: | Không |

▪ **Thay đổi nhân sự chủ chốt trong năm 2019:**

- Bổ nhiệm Ông Lưu Đức Quang hiện đang là Thành viên HĐQT, giữ chức vụ Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty Cổ phần Everest theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐQT ngày 24/01/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty.
- Bổ nhiệm ông Ngô Đặng Triều giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Công nghệ thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest theo Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐQT ngày 29/03/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty.

▪ **Số lượng cán bộ, nhân viên Công ty tới ngày 31/12/2019:** 98 người, trong đó số lượng cán bộ nhân viên nghiệp vụ đã có đủ chứng chỉ hành nghề chứng khoán do UNCKNN cấp là 47 người.

▪ **Chính sách đối với người lao động:**

- Được sắp xếp, bố trí, phân công công việc phù hợp với nhu cầu của Công ty và trình độ, năng lực chuyên môn;



- Được cử đi học tập, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu của Công ty;
- Được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước (hợp đồng lao động, BHXH, BHYT, BHTN, nghỉ ốm đau, thai sản, nghỉ phép ... và các chế độ khen thưởng, phúc lợi khác)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Không có
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

▪ Tình hình tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | Tăng trưởng (%) |
|-----|-----------------------------------|-----------|-----------|-----------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 1.051.638 | 1.266.423 | 20,42% |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | 714.086 | 721.251 | 1,00% |
| 3 | Vốn điều lệ | 600.000 | 600.004 | 0,00% |
| 4 | Doanh thu hoạt động | 172.916 | 197.007 | 13,93% |
| 5 | Kết quả hoạt động | 53.700 | 10.309 | -80,80% |
| 6 | Kết quả hoạt động khác | (323) | (159) | -50,77% |
| 7 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 53.377 | 10.149 | -80,99% |
| 8 | Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | 42.819 | 8.141 | -80,99% |

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019 của EVS

▪ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu tài chính cơ bản | Đơn vị tính | Năm 2018 | Năm 2019 |
|--|-------------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn) | lần | 3,08 | 2,29 |
| + Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | lần | 3,08 | 2,29 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | lần | 0,32 | 0,27 |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | lần | 0,47 | 0,47 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |



| | | | |
|--|------|--------|-------|
| + Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu hoạt động/Tổng tài sản bình quân) | vòng | 0,16 | 0,17 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu hoạt động | % | 24,76% | 4,13% |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 6,18% | 1,13% |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 4,94% | 0,70% |
| + Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu hoạt động | % | 31,06% | 5,23% |

Nguồn: EVS

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

| | |
|--|--------------------|
| - Tổng số cổ phần: | 60.000.400 cổ phần |
| - Loại cổ phần đang lưu hành: | 60.000.400 cổ phần |
| - Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: | 60.000.400 cổ phần |
| - Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: | 0 cổ phần |

b) Cơ cấu cổ đông:

| STT | Thành phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần theo | Tỷ lệ so với |
|---------------------------------------|--------------------|-------------------|------------------------|--------------------|
| | | | mệnh giá (đồng) | vốn điều lệ (%) |
| Phân theo tỷ lệ sở hữu | | | | |
| 1 | Cổ đông lớn | 47.417.000 | 474.170.000.000 | 79,03% |
| 2 | Cổ đông nhỏ | 12.583.400 | 125.830.000.000 | 20,97% |
| Tổng | | 60.000.400 | 600.004.000.000 | 100,00% |
| Phân theo cơ cấu nội bộ | | | | |
| 1 | Cổ đông tổ chức | 4.284.000 | 42.840.000.000 | 7,14% |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 55.716.400 | 557.164.000.000 | 92,86% |
| Tổng | | 60.000.400 | 600.004.000.000 | 100,00% |
| Phân theo nguồn vốn hình thành | | | | |
| 1 | Nhà nước | 3.300.000 | 33.000.000.000 | 5,50% |
| 2 | Cổ đông khác | 56.700.400 | 567.004.000.000 | 94,50% |
| Tổng | | 60.000.400 | 600.004.000.000 | 100,00% |
| Phân theo địa bàn | | | | |
| 1 | Cổ đông trong nước | 60.000.400 | 600.004.000.000 | 100,00% |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 0 | 0 | 0,00% |
| Tổng | | 60.000.400 | 600.004.000.000 | 100,00% |

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty tại ngày 11/04/2019)



- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm: Không có
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

- a) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
 - Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
 - Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- b) Chính sách liên quan đến người lao động
 - Công ty tuân thủ và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước và có các chế độ khen thưởng phúc lợi, các chương trình chăm sóc sức khỏe và đời sống tinh thần hàng năm cho người lao động.
 - Môi trường làm việc chuyên nghiệp, văn minh, lịch sự và tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội được học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- c) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Tham gia đầy đủ các chương trình ủng hộ, từ thiện của địa phương.
- d) Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh: Chưa có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay đang trải qua những bước chuyển mình để ngày một trưởng thành và lớn mạnh. Làn sóng toàn cầu hóa giúp môi trường đầu tư kinh tế Việt Nam cũng ngày càng mở rộng, đón nhận những xu hướng chung của thế giới. Bối cảnh nền kinh tế đã tạo cơ hội phát triển cho các công ty chứng khoán nhưng cũng tiềm ẩn nhiều khó khăn và thử thách, bên cạnh đó là sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các công ty chứng khoán. Cùng với nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm, EVS chú trọng đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống, phần mềm, cơ sở vật chất tạo ra những nền tảng quan trọng giúp EVS phát triển mạnh và bền vững.

2. Tình hình tài chính

Tại thời điểm 31/12/2019, tổng tài sản của Công ty là 1.266,4 tỷ đồng tăng 20,42% so với thời điểm cuối năm 2018. Trong đó tài sản ngắn hạn là 1.246,6 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2019 tăng 20,70% so với con số 1.032,77 tỷ đồng tại 31/12/2018, do lượng tiền mặt cuối năm tăng và khoản đầu tư tài sản tài chính tăng. Tài sản dài hạn tại 31/12/2019 không có sự biến động lớn so với cuối năm 2018 khi tăng từ 18,86 tỷ đồng lên 19,80 tỷ đồng.



▪ **Tình hình nợ phải trả:**

Tính đến hết năm 2019, tình hình nợ phải trả của Công ty như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Chi tiết | 31/12/2018 | 31/12/2019 |
|-------------|--|----------------|----------------|
| 1 | Nợ ngắn hạn | 335.777 | 544.923 |
| 1.1 | Vay và nợ thuê tài sản tài chính | 0 | 25.000 |
| 1.2 | Trái phiếu phát hành ngắn hạn | 297.600 | 501.300 |
| 1.3 | Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 927 | 1.005 |
| 1.4 | Phải trả người bán ngắn hạn | 2.216 | 1.196 |
| 1.5 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 609 | 0 |
| 1.6 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 2.983 | 2.318 |
| 1.7 | Phải trả người lao động | - | 364 |
| 1.8 | Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên | 30 | 80 |
| 1.9 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 4.665 | 5.099 |
| 1.10 | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 26.130 | 8.286 |
| 1.11 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 617 | 275 |
| 2 | Vay và nợ dài hạn | 1.775 | 250 |
| 2.1 | Thuế và thu nhập hoãn lại phải trả | 1.775 | 250 |
| Tổng | | 337.552 | 545.173 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Hoàn thiện hệ thống mẫu biểu, hợp đồng cho dịch vụ môi giới chứng khoán và các dịch vụ khác theo hướng đơn giản hóa, thuận tiện cho việc triển khai nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ pháp luật.
- Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro đáp ứng yêu cầu của thị trường.
- Hoàn thiện hệ thống quy trình nội bộ từ tư vấn đến phân tích, IT...
- Trong năm, Công ty cũng đã tạo điều kiện cũng như hỗ trợ cán bộ nhân viên hoàn tất các khóa học và lấy chứng chỉ của UBCKNN nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a. Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam năm 2020

Bước sang năm 2020, căng thẳng địa chính trị trên toàn cầu và sự phục hồi của các nền kinh tế phát triển đang khiến những thị trường cận biên trở nên kém hấp dẫn. Do đó, khó kỳ vọng



dòng tiền lớn, kể cả khối ngoại lẫn trong nước sẽ gia nhập thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2020. Chính phủ đặt mục tiêu trong năm 2020 tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô trước các tác động của tình hình quốc tế, tạo chuyển biến rõ nét, thực chất trong thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng.

Các chỉ tiêu kinh tế đặt ra trong năm 2020 cụ thể: GDP tăng 6,8%; độ tăng CPI bình quân thấp hơn 4%; Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu khoảng 8%; Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so GDP từ 33-34%. Quan điểm điều hành thị trường tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục theo hướng ổn định mặt bằng lãi suất, ổn định tỷ giá USD/VND, khuyến khích tăng trưởng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, công nghiệp, hạ tầng, nông nghiệp, công nghệ cao..., tạo điều kiện cho các ngành kinh tế mũi nhọn phát triển. Hệ thống doanh nghiệp nói chung có điều kiện thuận lợi về vốn để đầu tư mở rộng phát triển kinh doanh.

Năm 2020 được xác định là năm cao điểm tiếp tục thực hiện thoái vốn, cổ phần hóa nhiều doanh nghiệp lớn. Theo kế hoạch có 93 doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020, các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa lớn, bao gồm Agribank, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam – Công ty mẹ (Vinacomin-TKV), Tổng công ty Lương thực miền Bắc (Vinafood I) và Công ty TNHH một thành viên Khoáng sản..., đây được kỳ vọng là sự kiện sẽ tiếp tục giúp thị trường chứng khoán thu hút mạnh dòng vốn từ các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

Trong những năm tới, Luật Chứng khoán mới khi đi vào thực thi sẽ có những tác động tích cực đối với sự phát triển của TTCK Việt Nam, góp phần cải thiện chất lượng hàng hóa, chất lượng các doanh nghiệp trên TTCK, nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động của các chủ thể tham gia thị trường, tăng cường tính công khai, minh bạch, bảo đảm thị trường hoạt động an toàn, hiệu quả.

Sự ổn định trong tăng trưởng kinh tế trong nước và bước chuyển mình sang lĩnh vực sản xuất giúp kinh tế chịu đựng tốt hơn bởi những rủi ro, đồng thời cũng tạo cơ hội cho việc phát triển bền vững, cất cánh trong tương lai theo đó tạo niềm tin cho nhà đầu tư và giúp cho thị trường chứng khoán ổn định, tăng trưởng.

b. Chỉ tiêu tài chính năm 2020 của Công ty

Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam tăng trưởng ổn định, năm 2020 Công ty định hướng phát triển hoạt động kinh doanh theo chiều sâu, gia tăng giá trị từ các sản phẩm/dịch vụ cung cấp. Một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Công ty như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2020 |
|-----|----------------------|-----------|
| 1 | Vốn Điều lệ | 1.000.000 |
| 2 | Tổng Doanh thu | 209.000 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 59.814 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 47.851 |



Cơ sở đặt chỉ tiêu kế hoạch:

❖ **Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ của Công ty**

✓ Dịch vụ môi giới:

- Trên cơ sở mạng lưới kinh doanh đã thiết lập, tập trung phát triển khách hàng khu vực Hà Nội và phía Nam.
- Chăm sóc và duy trì sự hài lòng tối đa của cơ sở khách hàng hiện tại.
- Mở rộng mạng lưới kinh doanh, phát triển khách hàng
- Bên cạnh việc duy trì đội ngũ nhân sự môi giới hiện tại, Công ty tiếp tục tìm kiếm tuyển dụng nhân sự cho bộ phận môi giới, tư vấn, chăm sóc khách hàng.

✓ Dịch vụ tư vấn doanh nghiệp, M&A, thu xếp nguồn vốn cho các doanh nghiệp, dịch vụ ngân hàng đầu tư:

- Duy trì, nâng cao chất lượng dịch vụ với những khách hàng hiện tại. Bên cạnh đó tìm kiếm phát triển khách hàng là các Tổng công ty, ngân hàng,...
- Đẩy mạnh hoạt động tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu; tư vấn cổ phần hóa; tham gia tái cấu trúc và đầu tư vào doanh nghiệp, đẩy mạnh hoạt động tư vấn niêm yết, đăng ký giao dịch trong năm 2020.

✓ Dịch vụ tài chính

- Cung cấp các sản phẩm đa dạng, linh hoạt đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.
- Tài trợ cung cấp nguồn vốn cho khách hàng cá nhân và tổ chức.
- Tăng cường quản lý rủi ro và đảm bảo hoạt động tài trợ tài chính và các công cụ tài chính sử dụng đảm bảo an toàn và theo đúng quy định của pháp luật.
- Huy động vốn từ phát hành trái phiếu, các nguồn vốn vay khác hợp pháp để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cung cấp các dịch vụ tài chính.

✓ Hoạt động tự doanh:

- Công ty đầu tư tự doanh theo nguyên tắc cân trọng, đảm bảo an toàn vốn tối đa, phù hợp và bắt kịp xu thế của thị trường.
- Đầu tư chuyên sâu vào đội ngũ phân tích chất lượng cao, đảm bảo sản phẩm nghiên cứu phân tích áp dụng vào hoạt động tự doanh.

❖ **Phát triển khách hàng**

- Phát triển khách hàng trong nước và nước ngoài, tập trung vào nhóm khách hàng là các Quỹ đầu tư, các tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài, các doanh nghiệp niêm yết và các doanh nghiệp khác;
- Nghiên cứu công nghệ kết nối tự động khách hàng theo mô hình Mirror Investing.

❖ **Tuyển dụng thêm nhân sự**

Dự kiến năm 2020 nhân sự của Công ty tăng trưởng 31,31%, đạt 130 người.

Bên cạnh việc duy trì bộ máy nhân sự hiện tại, trong năm 2020 Công ty tiếp tục tuyển dụng thêm nhân sự cho các bộ phận: môi giới, chăm sóc khách hàng, nghiên cứu phân tích, ... theo quy mô dịch vụ cung cấp và nhằm đảm bảo có được bộ máy nhân sự tối ưu phục vụ tốt nhất cho khách hàng.

**❖ Hệ thống công nghệ thông tin**

- Hiện nay Công ty đang sử dụng hệ thống phần mềm AFE (của đối tác AFE Hồng Kông) được đầu tư đồng bộ, hiện đại, thân thiện với khách hàng và hỗ trợ quản trị rủi ro tự động. Phần mềm này cũng được các Công ty Chứng khoán hàng đầu sử dụng như HSC, ACBS, SSI (đang triển khai)...;
- Tiếp tục đầu tư mua thêm các modul, các sản phẩm tích hợp, phân tích kỹ thuật, quản lý danh mục của AFE, app trên mobile; xây dựng hệ thống dự phòng tại chỗ để hạn chế rủi ro;
- Đầu tư hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh bao gồm phần cứng, phần mềm, nâng cấp hệ thống máy chủ.

❖ Quản trị rủi ro

Hoạt động kinh doanh trong năm tới được định hướng phát triển theo chiều sâu, gia tăng giá trị và đa dạng hóa các sản phẩm/dịch vụ cung cấp, đáp ứng nhu cầu của khách hàng, do đó Công ty phải tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị rủi ro để đáp ứng với các quy định pháp luật và yêu cầu của tình hình mới.

- Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống quản trị rủi ro (QTRR) và kiểm soát nội bộ (KSNB) hiện có, tuân thủ nghiêm ngặt qui định của luật pháp về chứng khoán. QTRR và KSNB theo 3 lớp (các đơn vị môi giới/kinh doanh, các đơn vị back, các đơn vị chuyên trách về QTRR, KSNB của Tổng Giám đốc và HĐQT. Các đơn vị chuyên trách QTRR, KSNB độc lập với các bộ phận kinh doanh, tuân thủ triệt để theo khung quản trị đã thiết lập.
- Xây dựng và tuyển dụng đội ngũ lãnh đạo cao cấp giỏi về quản trị, điều hành, nắm vững chuyên môn nghiệp vụ, không tư lợi, không xung đột lợi ích với cổ đông và khách hàng.
- Tuyển dụng và xây dựng đội ngũ cán bộ bậc trung và nhân viên thạo về chuyên môn nghiệp vụ, ưu tiên nhân viên môi giới, phát triển khách hàng, các chuyên gia nghiên cứu phân tích, tư vấn đầu tư và tư vấn doanh nghiệp.
- Cung cấp sản phẩm và tư vấn đầu tư chuyên sâu cho khách hàng góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư cho khách hàng tổ chức và cá nhân, làm giảm thiểu rủi ro trong hoạt động.
- Quản lý hiệu quả nợ quá hạn, đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Ban lãnh đạo Công ty cùng các cán bộ công nhân viên luôn nỗ lực để theo sát kế hoạch kinh doanh được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua. Bên cạnh đó, Công ty cũng cố gắng tạo điều kiện tối đa để người lao động được nâng cao trình độ chuyên môn và được tham gia các chương trình phúc lợi của Công ty.
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Tham gia đầy đủ các chương trình địa phương phát động.

IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty**1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty****▪ Môi giới – Dịch vụ khách hàng**

Năm 2019, vượt qua khó khăn chung của toàn thị trường chứng khoán, doanh thu hoạt động môi giới của Công ty đạt 28,847 tỷ đồng, giảm 16,01% với năm 2018. Tính đến 31/12/2019, số lượng



khách hàng mở tài khoản giao dịch tại EVS là 8.420 tài khoản, số lượng khách hàng mở tài khoản giao dịch mới trong năm 2019 là 430 tài khoản, giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư thực hiện trong năm 2019 là 19.331 tỷ đồng.

▪ **Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp**

Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của EVS trong năm tập trung vào việc hoàn thành các hợp đồng đã triển khai những năm trước. Bên cạnh việc tiếp tục tìm kiếm phát triển khách hàng mới, EVS tiếp tục duy trì chăm sóc khách hàng truyền thống. Doanh thu hoạt động tư vấn trong năm là 1,8 tỷ đồng, tăng 79,82% so với con số cùng kỳ năm 2018. Trong năm 2019, hoạt động tư vấn tư vấn bán vốn Nhà nước, tư vấn tổ chức Đại Hội Đồng Cổ đông, tư vấn đăng ký giao dịch,... hoàn thành 05 hợp đồng, hợp đồng ký mới trong năm là 03 hợp đồng.

▪ **Phân tích & Tư vấn đầu tư**

Nhận định kịp thời trong phiên giao dịch góp phần định hướng, hỗ trợ Phòng Môi giới và khách hàng cá nhân, tổ chức của Công ty. Chú trọng xây dựng các báo cáo có tính thực tiễn, mức độ linh hoạt, kịp thời cao nhằm phục vụ yêu cầu đặc thù của từng nhóm khách hàng. Trong năm Công ty đã từng bước đầu tư chuyên sâu vào đội ngũ nghiên cứu phân tích chất lượng cao, mở rộng và nâng cao chất lượng sản phẩm nghiên cứu phân tích áp dụng vào hoạt động tự doanh, tư vấn đầu tư cho khách hàng hiệu quả.

▪ **Đầu tư (tự doanh)**

Công ty tiến hành tự doanh theo nguyên tắc thận trọng, dựa trên nghiên cứu kỹ về thị trường. Trong năm 2019, lãi từ các tài sản tài chính FVTPL đạt 76,8 tỷ đồng tăng 3,93% so với con số 73,9 tỷ đồng của năm 2018. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đạt 2,53 tỷ đồng giảm 48,73% so với con số 4,94 tỷ đồng của năm 2018.

▪ **Hoạt động cung cấp các dịch vụ tài chính**

Bên cạnh việc đa dạng hoá các sản phẩm tài chính, cung cấp các sản phẩm linh hoạt đáp ứng nhu cầu của khách hàng, EVS tiếp tục chú trọng mở rộng và xây dựng quan hệ hợp tác với các ngân hàng thương mại, thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình lãi suất để có phương án đàm phán hiệu quả nhất. Các khoản cho vay hoạt động chứng khoán đến thời điểm 31/12/2019 khoảng 682,83 tỷ đồng, trong đó các khoản cho vay hoạt động margin là 618,83 tỷ đồng, các khoản cho vay hoạt động ứng trước tiền bán là 64 tỷ đồng. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu là 84,654 tỷ đồng, đóng góp đáng kể vào doanh thu hoạt động hàng năm.

▪ **Công nghệ thông tin**

Công ty tiếp tục phát triển các ứng dụng mới trên hệ thống phần mềm lõi chứng khoán AFE nhằm cung cấp cho khách hàng các dịch vụ tiện ích đa dạng, đảm bảo tính ổn định, bảo mật, giúp khách hàng thuận tiện trong các giao dịch chứng khoán.

Website của Công ty cung cấp đầy đủ thông tin về các gói dịch vụ và tiện ích để phục vụ nhà đầu tư. Khách hàng có thể thực hiện giao dịch trực tuyến bằng cách truy cập vào website của EVS và sử dụng nhiều tiện ích: Vm-Trade (giao dịch trên điện thoại); VI-Trade (giao dịch trên website: www.eves.com.vn); VIP -Trade (giao dịch trên các máy tính cá nhân).

▪ **Nhân sự - Đào tạo**

Trong năm, Công ty đã tạo điều kiện và hỗ trợ cán bộ nhân viên tham gia các khóa học về nghiệp vụ chứng khoán tại Trung tâm Đào tạo Chứng khoán thuộc UBCK Nhà nước, nâng cao



trình độ chuyên môn của tất cả các bộ phận thông qua hoạt động đào tạo tại chỗ, kiểm soát quy trình nghiệp vụ. Đồng thời cán bộ nhân viên trong Công ty chủ động tham gia các hội thảo trao đổi nghiệp vụ, văn bản pháp luật được tổ chức bởi UBCKNN, các Sở Giao dịch, VSD và các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và các kỹ năng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng giám đốc của Công ty đã có sự chỉ đạo, điều hành sát sao các mặt hoạt động của Công ty, đảm bảo mục tiêu mà HĐQT đưa ra là phát triển bền vững. Ban Tổng Giám đốc đã có những báo cáo kịp thời lên HĐQT để đưa ra các điều chỉnh về chiến lược khi tình hình thị trường có sự chuyển biến mới.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

HĐQT dự kiến sẽ đẩy mạnh công tác hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro trong Công ty theo hướng phù hợp với các quy định mới. Bên cạnh đó, HĐQT sẽ tiếp tục nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động môi giới, nghiên cứu, tư vấn trên cơ sở định vị rõ ràng khách hàng mục tiêu và cung cấp các sản phẩm dịch vụ EVS có lợi thế cạnh tranh.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng Quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị:

▪ Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

| STT | Họ tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (tính đến ngày 31/12/2019) | Là thành viên HĐQT của Công ty khác |
|-----|----------------------|---|--|---|
| 01 | Vũ Hồng Sơn | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 6.000.000 cổ phần | Không |
| 02 | Bùi Công Thiện | Phó Chủ tịch HĐQT không điều hành | 0 cổ phần | Không |
| 03 | Bùi Việt Anh | Thành viên HĐQT không điều hành | 5.617.000 cổ phần | Không |
| 04 | Nguyễn Hải Châu | Thành viên HĐQT không điều hành | 0 cổ phần | Không |
| 05 | Ngô Thị Thu Hương | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 0 cổ phần | Không |
| 06 | Lưu Đức Quang | Thành viên HĐQT không điều hành | 0 cổ phần | Không |

**b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị:**

Hội đồng Quản trị đã thành lập Ban Kiểm toán nội bộ. Ban Kiểm toán nội bộ có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều 36 Thông tư 210/2012/TT-BTC và chính thức hoạt động kể từ ngày 31/12/2013.

| Sr | Số | Ngày | Nội dung |
|----|------------------|------------|---|
| 01 | 01/2019/NQ-HĐQT | 08/01/2019 | Quyết định điều chỉnh thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền cho cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán được phân bổ quyền mua số R030/2018-EVS/VSD-ĐK (ngày đăng ký cuối cùng 14/11/2018). |
| 02 | 02/2019/NQ-HĐQT | 24/01/2019 | Bổ nhiệm Ông Lưu Đức Quang hiện đang là Thành viên HĐQT, giữ chức vụ Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty Cổ phần Everest. |
| 03 | 03/2019/NQ-HĐQT | 25/01/2019 | Ban hành Chính sách quản trị rủi ro của EVS năm 2019. |
| 04 | 03B/2019/NQ-HĐQT | 25/02/2019 | Quyết định triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2019. |
| 05 | 04/2019/NQ-HĐQT | 01/03/2019 | Thông qua kết quả chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ từ 600 tỷ lên 1000 tỷ đồng. |
| 06 | 05/2019/NQ-HĐQT | 22/03/2019 | Quyết định thông qua thời gian, địa điểm, chương trình và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019. |
| 07 | 05B/2019/NQ-HĐQT | 22/03/2019 | Quyết định mua lại trước hạn trái phiếu của Công ty CP Chứng khoán Everest đã được phát hành theo NQ HĐQT số 03/2018/NQ-HĐQT ngày 03/04/2018. |
| 08 | 06/2019/NQ-HĐQT | 29/03/2019 | Bổ nhiệm ông Ngô Đặng Triều giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc phụ trách Công nghệ thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest |
| 09 | 07A/2019/NQ-HĐQT | 10/04/2019 | Thông qua việc thực hiện giao dịch vay vốn giữa Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Hoàng Mai và Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest. |
| 10 | 07/2019/NQ-HĐQT | 17/04/2019 | Thông qua hồ sơ niêm yết cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest trên Sàn giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội |
| 11 | 08/2019/NQ-HĐQT | 25/04/2019 | Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ gói 300 tỷ đồng |
| 12 | 09/2019/NQ-HĐQT | 14/05/2019 | Quyết định lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2019 của EVS |
| 13 | 10/2019/NQ-HĐQT | 04/06/2019 | Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ gói 200 tỷ đồng |



| | | | |
|----|-----------------|------------|---|
| 14 | 11/2019/NQ-HĐQT | 16/08/2019 | Thông qua việc nhận cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân- Chi nhánh Hà Nội |
| 15 | 12/2019/NQ-HĐQT | 13/09/2019 | Thông qua hạn mức vay vốn tại Ngân hàng TMCP Vietcombank – Chi nhánh Thanh Xuân |
| 16 | 13/2019/NQ-HĐQT | 31/10/2019 | Quyết định đầu tư nâng cấp hệ thống phần cứng và phần mềm máy chủ của Công ty |
| 17 | 14/2019/NQ-HĐQT | 12/12/2019 | Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 3 năm 2019 |

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Định kỳ hàng quý, Hội đồng Quản trị tổ chức các cuộc họp để nghe báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động của Công ty đồng thời trên cơ sở các đề xuất, kiến nghị của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị thảo luận và ra các quyết sách phù hợp, định hướng cho sự phát triển bền vững của Công ty.

▪ **Các cuộc họp Hội đồng quản trị:**

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ |
|-----|-------------------|------------|---------------------|-------|
| 01 | Vũ Hồng Sơn | Chủ tịch | 17 | 100% |
| 02 | Bùi Công Thiện | Thành viên | 17 | 100% |
| 03 | Bùi Việt Anh | Thành viên | 17 | 100% |
| 04 | Nguyễn Hải Châu | Thành viên | 17 | 100% |
| 05 | Ngô Thị Thu Hương | Thành viên | 17 | 100% |
| 06 | Lưu Đức Quang | Thành viên | 17 | 100% |

▪ **Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2019):**

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

| TT | Họ tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (tính đến ngày 11/04/2019) |
|----|-----------------|------------|--|
| 1 | Đặng Diệp Anh | Trưởng ban | 0 |
| 2 | Lại Thị Sen | Thành viên | 0 |
| 3 | Nguyễn Thị Linh | Thành viên | 0 |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tham gia một số cuộc họp của HĐQT;



- Tham gia một số buổi làm việc của Ban lãnh đạo EVS về kế hoạch kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện;
- Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh do Ban Tổng Giám đốc và Phòng tài chính kế toán công ty chuẩn bị;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn, tồn tại và các vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc. Xem xét các báo cáo kiểm toán phát hành;
- Tiếp thu ý kiến cổ đông về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty để phản ánh lại HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Việc chi trả các khoản thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Công ty.

Phương án thù lao cho Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty được thông qua như sau:

| STT | Chỉ tiêu | Số thành viên | Mức chi (đồng/tháng/thành viên) |
|----------|----------------------------------|---------------|------------------------------------|
| A | Thù lao Hội đồng Quản trị | | |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 1 | 5.000.000 |
| 2 | Thành viên HĐQT | 5 | 4.000.000 |
| B | Thù lao Ban Kiểm soát | | |
| 1 | Trưởng Ban Kiểm soát | 1 | 3.000.000 |
| 2 | Thành viên Ban Kiểm soát | 2 | 3.000.000 |
| C | Tổng cộng | | |

- Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có
- Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Trụ sở chính TP. Hà Nội:

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,

Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

T +84 (24) 3 783 2121

F +84 (24) 3 783 2122

E info@cpavietnam.vn

W www.cpavietnam.vn

Số. 92 /2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019, Báo cáo thu nhập toàn diện, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 18 tháng 2 năm 2020 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest trình bày từ trang 06 đến trang 45 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, Công ty này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 24/01/2019 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Phan Tuấn Nam
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1
Giấy Ủy quyền số: 02/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Ngọc Khánh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999-2019-137-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network
Hà Nội, ngày 18 tháng 2 năm 2020

PHẦN DÀN T

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán
Báo cáo tình hình tài chính
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B02 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 Tại ngày 31/12/2019

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A | B | C | 1 | 2 |
| TÀI SẢN | | | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130) | 100 | | 1.246.622.204.785 | 1.032.771.241.671 |
| I. Tài sản tài chính (110=111->129) | 110 | | 1.244.107.689.884 | 1.030.989.135.036 |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 111 | | 238.619.518.590 | 48.215.731.433 |
| 1.1. Tiền | 111.1 | 5.1 | 198.619.518.590 | 48.215.731.433 |
| 1.2. Các khoản tương đương tiền | 111.2 | | 40.000.000.000 | - |
| 2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) | 112 | 5.3 | 300.714.572.890 | 222.127.542.670 |
| 3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HIM) | 113 | 5.3.2 | 27.800.000.000 | - |
| 4. Các khoản cho vay | 114 | 5.4 | 682.826.451.758 | 763.082.039.552 |
| 6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp | 116 | 5.5 | (9.810.699.279) | (3.118.532.044) |
| 7. Các khoản phải thu | 117 | 5.6 | 3.401.020.125 | 1.880.000 |
| 7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính | 117.1 | | 1.759.580.000 | 1.880.000 |
| 7.2. Phải thu và dự thu có tức, tiền lãi các tài sản tài chính | 117.2 | | 1.641.440.125 | - |
| 7.2.1. Phải thu có tức, tiền lãi đến ngày nhận | 117.3 | | 1.079.740.400 | - |
| 7.2.2. Dự thu có tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận | 117.4 | | 561.699.725 | - |
| 8. Trả trước cho người bán | 118 | | 432.825.000 | 255.150.500 |
| 9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp | 119 | | 24.000.000 | 404.000.000 |
| 12. Các khoản phải thu khác | 122 | | - | 21.322.925 |
| II. Tài sản ngắn hạn khác (130 = 131->136) | 130 | | 2.514.515.701 | 1.782.106.635 |
| 1. Tạm ứng | 131 | | 13.000.000 | 14.750.000 |
| 3. Chi phí trả trước ngắn hạn | 133 | 5.7 | 1.647.483.636 | 1.767.356.635 |
| 6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 136 | | 854.032.065 | - |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250-260) | 200 | | 19.801.167.796 | 18.866.998.996 |
| I. Tài sản tài chính dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 2.246.236.278 | 2.956.490.857 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.9 | 2.246.236.278 | 2.102.648.804 |
| - Nguyên giá | 222 | | 18.801.082.308 | 17.411.625.448 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223a | | (16.554.846.030) | (15.308.976.644) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.10 | - | 853.842.053 |
| - Nguyên giá | 228 | | 10.076.718.497 | 10.076.718.497 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229a | | (10.076.718.497) | (9.222.876.444) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 240 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 250 | | 17.554.931.518 | 15.910.508.139 |
| 1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn | 251 | 5.8 | 1.263.043.116 | 1.272.793.116 |
| 2. Chi phí trả trước dài hạn | 252 | 5.7 | 2.460.323.381 | 3.070.399.073 |
| 4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán | 254 | 5.11 | 13.831.565.021 | 11.567.315.950 |
| VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn | 260 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 1.266.423.372.581 | 1.051.638.240.667 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B02 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Tại ngày 31/12/2019

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A | B | C | 1 | 2 |
| NGUỒN VỐN | | | | |
| C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340) | 300 | | 545.172.688.079 | 337.552.097.284 |
| I. Nợ phải trả ngắn hạn | 310 | | 544.922.421.521 | 335.777.580.993 |
| 1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn | 311 | | 25.000.000.000 | - |
| 1.1. Vay ngắn hạn | 312 | | 25.000.000.000 | - |
| 4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn | 316 | 5.12 | 501.500.000.000 | 297.600.000.000 |
| 6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 318 | 5.13 | 1.004.574.339 | 926.559.448 |
| 8. Phải trả người bán ngắn hạn | 320 | 5.14 | 1.196.219.113 | 2.215.691.948 |
| 9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 321 | 5.15 | - | 609.000.000 |
| 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 322 | 5.16 | 2.318.263.096 | 2.983.498.466 |
| 11. Phải trả người lao động | 323 | | 363.550.301 | - |
| 12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên | 324 | | 80.512.679 | 30.442.379 |
| 13. Chi phí phải trả ngắn hạn | 325 | 5.17 | 5.099.009.152 | 4.665.224.916 |
| 17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn | 329 | 5.18 | 8.285.549.147 | 26.130.080.637 |
| 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 331 | | 274.743.694 | 617.083.199 |
| II. Nợ phải trả dài hạn | 340 | | 250.266.558 | 1.774.516.291 |
| 14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 356 | | 250.266.558 | 1.774.516.291 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420) | 400 | | 721.250.684.502 | 714.086.143.383 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.19 | 721.250.684.502 | 714.086.143.383 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 600.004.000.000 | 600.000.000.000 |
| 1.1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411.1 | | 600.004.000.000 | 600.000.000.000 |
| a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411.1a | | 600.004.000.000 | 600.000.000.000 |
| 4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 414 | | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| 5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 415 | | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| 7. Lợi nhuận chưa phân phối | 417 | | 109.246.684.502 | 102.086.143.383 |
| 7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện | 417.1 | | 110.190.418.071 | 96.932.878.023 |
| 7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện | 417.2 | | (943.733.569) | 5.153.265.360 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 420 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | 440 | | 1.266.423.372.581 | 1.051.638.240.667 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B02 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Tại ngày 31/12/2019

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

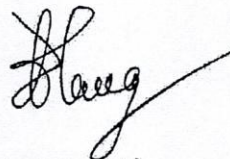
| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 VND | 01/01/2019 VND |
|---|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| A | B | | 1 | 2 |
| A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT | | | | |
| 6. Cổ phiếu đang lưu hành | 006 | | 60.000.400 | 60.000.000 |
| 8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK | 008 | 6.1 | 164.214.320.000 | 146.062.790.000 |
| 9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK | 009 | 6.2 | 1.550.000 | 1.550.000 |
| 10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK | 010 | | 1.000.000 | - |
| 12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK | 012 | 6.3 | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| 13. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK | 013 | | - | - |
| B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG | | | | |
| 1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của NĐT | 021 | 6.4 | 4.607.509.410.000 | 4.107.482.040.000 |
| a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng | 021.1 | | 3.991.133.080.000 | 3.665.612.800.000 |
| b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng | 021.2 | | 4.521.900.000 | 2.816.590.000 |
| c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố | 021.3 | | 544.963.980.000 | 376.268.820.000 |
| d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ | 021.4 | | 918.930.000 | 918.340.000 |
| e. Tài sản tài chính chờ thanh toán | 021.5 | | 63.971.520.000 | 61.865.490.000 |
| f. Tài sản tài chính chờ cho vay | 021.6 | | - | - |
| 2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư | 022 | 6.5 | 24.896.830.000 | 22.845.750.000 |
| a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do CN | 022.1 | | 24.746.830.000 | 22.695.750.000 |
| d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ | 022.4 | | 150.000.000 | 150.000.000 |
| 3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư | 023 | 6.6 | 57.223.800.000 | 71.616.420.000 |
| 4. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của Nhà đầu tư | 24.a | | - | - |
| 5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư | 24.b | | - | - |
| 6. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư | 025 | | - | - |
| 7. Tiền gửi của khách hàng | 026 | 6.7 | 131.267.834.864 | 109.045.717.213 |
| 7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về GDCK theo phương thức CTCK quản lý | 027 | | 95.657.876.364 | 71.737.211.213 |
| 7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán | 029 | | 95.605.958.500 | 37.304.031.000 |
| a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán GDCK của NĐT trong nước | 029.1 | | 95.605.958.500 | 37.304.031.000 |
| 7.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán | 030 | | 4.000.000 | 4.475.000 |
| 8. Phải trả NĐT về tiền gửi GDCK theo phương thức CTCK quản lý | 031 | 6.8 | 131.263.834.864 | 109.041.242.213 |
| 8.1. Phải trả NĐT trong nước về tiền gửi GDCK theo phương thức CTCK quản lý | 031.1 | | 129.955.675.582 | 107.735.698.808 |
| 8.2. Phải trả NĐT nước ngoài về tiền gửi GDCK theo phương thức CTCK quản lý | 031.2 | | 1.308.159.282 | 1.305.543.405 |
| 12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 035 | 6.9 | 4.000.000 | 4.475.000 |

Người lập



Nguyễn Bích Hằng

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thanh Hằng

Hà Nội, ngày 18 tháng 2 năm 2020

Tổng Giám đốc



Vũ Hồng Sơn

Báo cáo kết quả hoạt động
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B01 - CTCK

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| A | B | C | 1 | 2 |
| I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG | | | | |
| 1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | 01 | | 76.803.443.783 | 73.899.411.959 |
| a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL | 01a | 7.1 | 32.779.113.915 | 16.236.506.990 |
| b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL | 01b | 7.2 | 40.664.431.668 | 56.539.039.469 |
| c. Có tức, tiền lãi phải sinh từ tài sản tài chính FVTPL | 01c | 7.3 | 3.359.898.200 | 1.123.865.500 |
| 1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 02 | 7.3 | 2.534.632.929 | 4.943.606.132 |
| 1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | 03 | 7.3 | 84.654.405.776 | 56.542.531.701 |
| 1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) | 04 | | | |
| 1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 06 | 7.4 | 28.847.416.090 | 34.347.011.287 |
| 1.7. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh đại lý phát hành chứng khoán | 07 | 7.4 | 14.674.457 | 3.921.752 |
| 1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 09 | 7.4 | 2.336.691.083 | 2.169.530.482 |
| 1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính | 10 | 7.4 | 1.815.863.636 | 1.009.818.182 |
| Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01-11) | 20 | | 197.007.127.754 | 172.915.831.495 |
| II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG | | | | |
| 2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) | 21 | | 62.507.846.060 | 41.023.809.280 |
| a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL | 21a | 7.1 | 14.222.165.730 | 3.081.350.290 |
| b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL | 21b | 7.2 | 48.285.680.330 | 37.942.458.990 |
| 2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay | 24 | 7.5 | 6.692.167.235 | 434.010.311 |
| 2.6. Chi phí hoạt động tự doanh | 26 | 7.6 | 1.919.382.975 | 1.008.968.579 |
| 2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 27 | 7.6 | 41.121.455.126 | 39.425.799.413 |
| 2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 30 | 7.6 | 2.161.179.904 | 2.331.950.170 |
| 2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính | 31 | 7.6 | 3.028.876.117 | 1.655.928.649 |
| 2.12. Chi phí các dịch vụ khác | 32 | | | |
| Cộng chi phí hoạt động (40 = 21-32) | 40 | | 117.430.907.417 | 85.880.466.402 |
| III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 3.2. Doanh thu, dự thu có tức, lãi tiền gửi không có định | 42 | 7.7 | 1.376.935.339 | 1.178.959.898 |
| Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41-44) | 50 | | 1.376.935.339 | 1.178.959.898 |
| IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH | | | | |
| 4.2. Chi phí lãi vay | 52 | 7.7 | 41.477.342.072 | 11.277.193.688 |
| Cộng chi phí tài chính (60 = 51-56) | 60 | | 41.477.342.072 | 11.277.193.688 |
| V. CHI PHÍ BÁN HÀNG | 61 | | | |
| VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN | 62 | 7.8 | 29.166.881.630 | 23.237.209.947 |
| VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20+50-40-60-61-62) | 70 | | 10.308.931.974 | 53.699.921.356 |
| VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC | | | | |
| 8.1. Thu nhập khác | 71 | 7.9 | 21.646.703 | 34.285.018 |
| 8.2. Chi phí khác | 72 | 7.9 | 181.122.864 | 357.000.000 |
| Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71-72) | 80 | | (159.476.161) | (322.714.982) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B01 - CTCK

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN (Tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

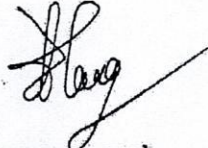
| Chi tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|-------|-------------|-----------------|----------------|
| | | | VND | VND |
| A | B | C | 1 | 2 |
| DK. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90-70+80) | 90 | | 10.149.455.813 | 53.377.206.374 |
| 9.1. Lợi nhuận đã thực hiện | 91 | | 17.770.704.475 | 34.780.625.895 |
| 9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện | 92 | | (7.621.248.662) | 18.596.580.479 |
| X. CHI PHÍ THUẾ TNDN | 100 | | 2.008.914.694 | 10.558.068.175 |
| 10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 1001 | 7.10 | 3.533.164.426 | 6.838.752.079 |
| 10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 1002 | 7.10 | (1.524.249.732) | 3.719.316.096 |
| XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200-90-100) | 200 | | 8.140.541.119 | 42.819.138.199 |
| XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN | 300 | | | |
| XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG | 500 | | | |
| 13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu) | 501 | 7.11 | 136 | 697 |
| 13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu) | 502 | | 136 | 688 |

Hà Nội, ngày 18 tháng 2 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Bích Hằng

Vũ Thị Thanh Hằng

Vũ Hồng Sơn

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
Mẫu số B03 - CTCK
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

| Chỉ tiêu | Mã chỉ đầu | Thuyết minh | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|--|---------------|----------------|-------------------------|--------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 01 | | 10.149.455.813 | 53.377.206.374 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | 02 | | 48.892.285.407 | 12.739.265.103 |
| - Khấu hao TSCĐ | 03 | | 2.099.711.439 | 2.207.021.002 |
| - Các khoản dự phòng | 04 | | 6.692.167.235 | 434.010.311 |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 41.477.342.072 | 11.277.193.688 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 07 | | (1.376.935.339) | (1.178.959.898) |
| 3. Tăng các chi phí phi tiền tệ | 10 | | 48.285.680.330 | 37.942.458.990 |
| - Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL | 11 | | 48.285.680.330 | 37.942.458.990 |
| 4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ | 18 | | (49.664.431.668) | (56.539.039.469) |
| - Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL | 19 | | (40.664.431.668) | (56.539.039.469) |
| 5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 30 | | (104.950.681.204) | (371.583.919.504) |
| - Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL | 31 | | (86.208.278.882) | (66.605.522.560) |
| - Tăng (giảm) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 32 | | (27.800.000.000) | 120.000.000.000 |
| - Tăng (giảm) các khoản cho vay | 33 | | 80.255.587.794 | (463.168.481.406) |
| (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính | 35 | | (1.757.700.000) | 33.780.956.500 |
| (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu và dự thu có tức, tiền lãi các tài sản tài chính | 36 | | (1.641.440.125) | 782.755.555 |
| (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp | 37 | | (229.000.000) | (133.000.000) |
| (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác | 39 | | 21.322.925 | (17.951.266) |
| - Tăng (giảm) các tài sản khác | 40 | | (2.262.499.071) | (1.659.081.898) |
| - Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay) | 41 | | (2.594.022) | 2.834.081.617 |
| - Tăng (giảm) chi phí trả trước | 42 | | 729.948.691 | (3.563.874.576) |
| (-) Thuế TNDN đã nộp | 43 | | (5.547.359.704) | (7.061.619.416) |
| (-) Lãi vay đã trả | 44 | | (41.040.963.814) | (9.812.344.395) |
| - Tăng (giảm) phải trả cho người bán | 45 | | (1.297.147.335) | 1.457.956.054 |
| - Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên | 46 | | 50.070.300 | (72.836.649) |
| - Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp) | 47 | | 494.927.842 | (178.357.553) |
| - Tăng (giảm) phải trả người lao động | 48 | | 363.550.301 | (2.351.053.045) |
| - Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác | 50 | | (17.766.516.599) | 25.558.895.546 |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 52 | | (1.312.589.505) | (1.374.442.012) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 60 | | (38.287.691.322) | (324.064.028.506) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác | 61 | | (1.389.456.860) | (838.261.648) |
| 5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 65 | | 1.376.935.339 | 1.178.959.898 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 70 | | (12.521.521) | 340.698.250 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B03 - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

| Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|--|-------------|-------------|-------------------|------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 71 | | 4.000.000 | - |
| 3. Tiền vay gốc | 73 | | 612.300.000.000 | 299.900.000.000 |
| 3.2. Tiền vay khác | 73.2 | | 612.300.000.000 | 299.900.000.000 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 74 | | (383.600.000.000) | (2.300.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 80 | | 228.704.000.000 | 297.600.000.000 |
| IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ | | | | |
| | 90 | | 190.483.787.157 | (26.123.330.256) |
| V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ | | | | |
| | 101 | | 48.215.731.433 | 74.339.061.689 |
| - Tiền | 101.1 | | 48.215.731.433 | 29.339.061.689 |
| - Các khoản tương đương tiền | 101.2 | | - | 45.000.000.000 |
| VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ | | | | |
| | 103 | 5.1 | 238.619.518.590 | 48.215.731.433 |
| - Tiền | 103.1 | | 198.619.518.590 | 48.215.731.433 |
| - Các khoản tương đương tiền | 103.2 | | 40.000.000.000 | - |

Hà Nội, ngày 18 tháng 2 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Bích Hằng

Vũ Thị Thanh Hằng

Vũ Hồng Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B03 - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

| CHỈ TIÊU | Mã chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm 2019 VND | Năm 2018 VND |
|---|-------------|-------------|----------------------|----------------------|
| I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng | | | | |
| 1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng | 01 | | 10.849.606.615.250 | 10.621.427.958.400 |
| 2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng | 02 | | (10.464.672.121.150) | (12.045.788.117.500) |
| 3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | 07 | | 18.696.952.284.183 | 9.512.354.679.053 |
| 4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | 08 | | (19.059.664.185.632) | (8.085.431.479.334) |
| 5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng | 11 | | - | (2.169.530.482) |
| 6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán | 14 | | 77.561.167.717 | 72.970.591.375 |
| 7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán | 15 | | (77.561.642.717) | (72.970.116.375) |
| <i>Tăng/giảm tiền thu nhập trong năm</i> | 20 | | 22.222.117.651 | 393.985.137 |
| II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng | | | | |
| <i>Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:</i> | 31 | 6.7 | 109.045.717.213 | 108.651.732.076 |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý | 32 | | 71.737.211.213 | 31.053.782.876 |
| - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán | 34 | | 37.304.031.000 | 77.593.949.200 |
| - Tiền gửi của Tổ chức phát hành | 35 | | 4.475.000 | 4.000.000 |
| III Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng | | | | |
| <i>Tiền gửi ngân hàng cuối năm:</i> | 41 | | 131.267.834.864 | 109.045.717.213 |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý | 42 | | 35.657.876.364 | 71.737.211.213 |
| - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán | 44 | | 95.605.958.500 | 37.304.031.000 |
| - Tiền gửi của Tổ chức phát hành | 45 | | 4.000.000 | 4.475.000 |

Người lập



Nguyễn Bích Hằng

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thanh Hằng

Hà Nội, ngày 18 tháng 2 năm 2020

Tổng Giám đốc



Vũ Hồng Sơn

Hà Nội, ngày 05. tháng 03. năm 2020

CTCP CHỨNG KHOÁN EVEREST

CHỦ TỊCH HĐQT



Vũ Hồng Sơn